

Bản án số: **413/2023/HC-PT**

Ngày: 21/12/2023

V/v: **“Khiếu kiện quyết định hành  
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Tồn**

*Các Thẩm phán:* Ông **Phạm Việt Cường**

Ông **Nguyễn Văn Tào**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Lương Quang Toàn**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên  
tòa:** Ông **Quách Hòa Bình**, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 226/2023/TLPT-HC ngày 18 tháng 10 năm 2023 về **“Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”**. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 103/2023/HC-ST ngày 17/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 364/2023/QĐ-PT ngày 29 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

**1. Người khởi kiện:** bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1957; địa chỉ cư trú: nhà số F N, tổ dân phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền:* ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1985; địa chỉ cư trú: nhà số F N, tổ dân phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

**2. Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

Địa chỉ trụ sở: số A L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

*Người đại diện theo pháp luật:* ông Vũ Văn H; chức vụ: Chủ tịch.

*Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B:* ông Lê Đại T1; chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh

Đắk Lắk (theo Giấy ủy quyền số 04/GUQ-UND ngày 01/02/2023), vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:*

Ông Phạm Văn N – Trưởng phòng kỹ thuật, giải phóng mặt bằng Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk.

*Người đại diện theo ủy quyền:* ông Phạm Văn N – Trưởng phòng kỹ thuật, giải phóng mặt bằng Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**Người kháng cáo:** Người khởi kiện bà Nguyễn Thị Đ, Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

**Người kháng nghị:** Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Người khởi kiện trình bày:**

### **I. Đối với yêu cầu khởi kiện thứ nhất:**

Theo Hợp đồng giao khoán số 28Đ1/2012/HĐ thì gia đình bà Nguyễn Thị Đ là hộ dân nhận đất liên kết của Công ty TNHH MTV C (gọi tắt là Công ty) để hợp tác trồng cây cà phê. Thời hạn hợp đồng kể từ ngày 18/5/2012 đến ngày 31/12/2035. Tại thời điểm ký hợp đồng liên kết hộ gia đình sử dụng đất gồm có 04 thành viên: ông Nguyễn Đình L (đã chết), bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Đình T và ông Nguyễn Đình T2. Trong quá trình nhận khoán, gia đình bà Nguyễn Thị Đ đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính đối với Công ty cũng như tuân thủ pháp luật về Luật Đất đai.

Ngày 04/01/2017, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành quyết định 07/QĐ-UBND thu hồi 5.138.059 m<sup>2</sup> đất của Công ty, trong đó có 5.928,8m<sup>2</sup> đất nhận khoán của hộ gia đình bà Đ tại thửa đất số 13 tờ bản đồ số 7, nay là thửa đất số 25, tờ bản đồ số 7.

Ngày 26/11/2018, Trung tâm P ban hành thông báo số 68/TB-TTPTQĐDL về kế hoạch kiểm đếm tài sản, nhà cửa, vật kiến trúc và cây trồng gắn liền với đất: Dự án xây dựng hạ tầng khu dân cư đường N, Tổ dân phố D, phường T, thành phố B. Biên bản kiểm đếm lần đầu của gia đình được lập vào ngày 05/01/2019, lần 2 vào ngày 19/12/2020, lần 3 vào ngày 25/05/2022.

Ngày 28/10/2019, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành Quyết định số 3125/QĐ- UBND về việc phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng

Dự án: Hạ tầng giao thông khu dân cư phía bắc tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 01/12/2021, Ủy ban Nhân dân thành phố B ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 8601/QĐ-UBND, trong đó có một phần diện tích là 929,8m<sup>2</sup> là thửa đất trên của hộ gia đình. Tuy nhiên, trong quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với phần diện tích của hộ gia đình tôi, UBND thành phố B đã bỏ sót nhiều quyền lợi chính đáng của hộ gia đình tôi cụ thể như sau:

***1. Về phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất:***

***1.1 Đối với việc bồi thường, hỗ trợ tài sản gắn liền với đất sau quyết định thu hồi số 07/QĐ-UBND tỉnh Đ:***

UBND thành phố B không hỗ trợ đối với các loại cây trồng gắn liền trên đất được hình thành từ sau quyết định thu hồi đất theo công văn 11855/ UBND-NNMT ngày 31/12/2020 là không thỏa đáng và đúng với các văn bản quy phạm pháp luật bởi lẽ:

Ngày 04/01/2017, UBND tỉnh Đ ra Quyết định 07/QĐ-UBND thu hồi toàn bộ đất của Công ty C trong đó có diện tích của công ty đã giao khoán cho hộ gia đình bà Đ, công ty là chủ thể được nhà nước giao đất nhưng không trực tiếp sử dụng đất, mà hộ gia đình bà Đ là hộ gia đình trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp được ký lần đầu với công ty từ năm 1991, tính đến thời điểm thu hồi là 26 năm, nên hộ gia đình bà Đ là đối tượng được đền bù, hỗ trợ.

Việc UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định thu hồi đất nhưng lại không thông báo thu hồi đất đến các hộ dân cũng như không phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ cho gia đình tôi, nên tôi tiếp tục sử dụng đất để trồng thêm một số cây trồng phụ cũng như trồng dặm lại số cây trồng trên đất đã chết. Bởi vì, thời hạn hợp đồng vẫn còn đến 18 năm, tuy nhiên gia đình tôi không được bồi thường, hỗ trợ cây trồng sau năm 2017 là không thỏa đáng và phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật bởi lẽ: tại khoản 5 Điều 23 Quyết định 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đ sửa đổi bổ sung một số quy định liên quan đến bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk quy định:

*Cây trồng gắn liền với đất không đủ điều kiện bồi thường được trồng trước khi có thông báo thu hồi đất được hỗ trợ như sau:*

*a) Thời điểm sử dụng đất trước ngày 15/10/1993 được hỗ trợ bằng 100% giá trị bồi thường theo đơn giá quy định hiện hành.*

*b) Thời điểm sử dụng đất từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004 hỗ trợ bằng 80% giá trị bồi thường theo đơn giá quy định hiện hành.*

c) Thời điểm sử dụng đất từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014 hỗ trợ bằng 60% giá trị bồi thường theo đơn giá quy định hiện hành.

d) Thời điểm sử dụng đất từ ngày 01/7/2014 đến trước khi có thông báo thu hồi đất thì cây trồng được hỗ trợ bằng 30% giá trị bồi thường theo đơn giá quy định hiện hành.

### *1.2 Đối với các khoản hỗ trợ:*

- Về phương án hỗ trợ đời sống, sản xuất và hỗ trợ bàn giao mặt bằng gia đình tôi hoàn toàn đồng ý và không có ý kiến gì.

- Đối với khoản hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: UBND thành phố B đã thiếu sót khi không áp dụng hỗ trợ đối với hộ gia đình tôi. Căn cứ theo khoản 29 điều 3, Luật đất đai 2013 thì: “*Hộ gia đình sử dụng đất là những người có quan hệ hôn nhân, huyết thống, nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, đang sống chung và có quyền sử dụng đất chung tại thời điểm được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất; nhận chuyển quyền sử dụng đất.*”

Căn cứ khoản 2 Điều 83 Luật đất đai 2013; Nghị định 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của chính phủ về giao khoán đất nông nghiệp, Thông tư số 102/2006/TT- BNN về hướng dẫn một số điều tại nghị định 135/2005; Căn cứ khoản 5, khoản 6 Điều 4 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ đối với đất nhận giao khoán thì: hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất quy định tại các điểm d, đ và e khoản 1 Điều 19 của Nghị định này được hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm các hộ gia đình tại điểm d, đ, e là hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp (trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân là cán bộ, công nhân viên của nông, lâm trường quốc doanh, của công ty N1, lâm nghiệp được chuyển đổi từ các nông, lâm trường quốc doanh đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp).

Căn cứ vào Điều 4 Thông tư 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/06/2021 của Bộ T3; khoản 2 Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ và Điều 3 Thông tư 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/09/2017 của Bộ T3; Biên bản xác minh thực trạng lao động ngày 09/12/2021 của Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk thì hộ gia đình tôi được UBND phường T xác nhận là hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp.

Từ những căn cứ pháp lý nêu trên thì hộ gia đình tôi đủ điều kiện để được hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo nghị định 01/2017/NĐ- CP ngày 06/01/2017 và Điều 4 Quyết định số 22/2017/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ.

### *1.3 Đối với Chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:*

Đối với các khoản bồi thường, hỗ trợ về cây trồng, vật kiến trúc, bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại, hỗ trợ đời sống, sản xuất gia đình đồng ý với phương án phê duyệt và đã nhận tiền theo biên bản bàn giao mặt bằng ngày 31/12/2021.

Từ những căn cứ pháp lý nêu trên, đề nghị Tòa án hủy bỏ một phần Quyết định phê duyệt phương án bồi thường khi nhà nước thu hồi đất số 8601/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 của UBND thành phố B “*Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để Xây dựng công trình hạ tầng giao thông khu dân cư phía Bắc, phường T, thành phố B đợt 1*” và buộc UBND thành phố B ban hành lại Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và bổ sung các nội dung như sau: Hỗ trợ cây trồng sau quyết định thu hồi; khoản hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; khoản chậm chi trả đối với khoản tiền hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm tính từ ngày 01/01/2022 (sau 30 ngày phê duyệt phương án bồi thường số 8601/QĐ-UBND) đến ngày phê duyệt phương án bổ sung.

## **II. Đối với yêu cầu khởi kiện thứ hai:**

Ngày 29/12/2022, Ủy ban nhân dân Thành phố B ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 10635/QĐ-UBND “*Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để Xây dựng công trình hạ tầng giao thông khu dân cư phía Bắc, phường T, thành phố B đợt 2 và đợt 3*” đối với phần diện tích còn lại là 4.999 m<sup>2</sup> của thửa đất trên.

Tuy nhiên trong quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với phần diện tích của hộ gia đình bà Nguyễn Thị Đ, Ủy ban nhân dân thành phố B đã bỏ sót, cũng như áp không đúng các văn bản quy phạm pháp luật về bồi thường, hỗ trợ làm ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng của hộ gia đình. Cụ thể:

**2.1 Bổ sung hỗ trợ cây trồng sau quyết định thu hồi đất theo khoản 5 Điều 20 Quyết định 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/03/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk:**

Căn cứ Điều 69 Luật Đất đai 2013, Quyết định số 3125/QĐ-UBND ngày 28/10/2019 của UBND tỉnh Đ về việc phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án: Hạ tầng giao thông khu dân cư phía bắc tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và căn cứ Biên bản kiểm đếm 3 lần của Trung tâm phát triển Quỹ đất, thì có thể nhận thấy quá trình thu hồi đất đã không đúng với các trình tự, thủ tục pháp lý đã được quy định.

Các cây trồng của hộ gia đình bà Nguyễn Thị Đ được trồng trước khi có thông báo thu hồi đất (28/10/2019) và phải được hỗ trợ theo khoản 5 Điều 20

Quyết định 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/03/2022 của UBND tỉnh Đ sửa đổi bổ sung một số quy định liên quan đến bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Theo công văn số 11855/UBND-NNMT ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh Đ, thì tài sản phát sinh sau ngày 04/01/2017 không được bồi thường và hỗ trợ, là không công bằng so với các dự án khác trên địa bàn thành phố B theo như công văn số 53/BC-UBND ngày 22/02/2022 của UBND thành phố B.

Hộ gia đình bà Nguyễn Thị Đ phải được áp hỗ trợ theo khoản 5 Điều 20 Quyết định 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/03/2022 của UBND tỉnh Đ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk thay vì áp theo công văn số 11855.

**2.2 Áp lại khoản hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 và Điều 18 khoản 1 Quyết Định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/03/2022 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đ:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai 2013; khoản 29 Điều 3 Luật Đất đai 2013. Căn cứ theo nghị định 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ về giao khoán đất nông nghiệp, Thông tư số 102/2006/TT-BNN về hướng dẫn một số điều tại nghị định 135/2005, Hợp đồng kinh tế thì bà Nguyễn Thị Đ không phải là công nhân của công ty cà phê và cũng chưa nhận bất cứ khoản hỗ trợ nào trong thời gian nhận giao khoán hợp đồng liên kết từ năm 2012 đến nay.

Căn cứ vào khoản 5, khoản 6 Điều 4 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ; Điều 4 Thông tư 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/06/2021 của Bộ T3; Công văn số 251/TTPTODDL- KTGPMB của Trung tâm P ngày 11/08/2022; theo khoản 2 Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ; Điều 3 Thông tư 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/09/2017 của Bộ T3 và Biên bản xác minh thực trạng lao động ngày 09/12/2021 của trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk thì Hộ gia đình bà Nguyễn thị Đ1 được UBND phường T xác nhận là hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp.

Từ những căn cứ pháp lý nêu trên thì hộ gia đình bà Nguyễn Thị Đ đủ điều kiện để được hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 và Điều 18 khoản 1 Quyết Định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/03/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ.

UBND thành phố B lại áp dụng khoản 2 Điều 18 Quyết Định số 14/2022/QĐ -UBND ngày 15/03/2022 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đ cho gia đình Nguyễn Thị Đ là không đúng với các văn bản quy phạm pháp luật.

**2.3 Tính lại số nhân khẩu được hỗ trợ đời sống, cụ thể là 3 nhân khẩu.**

Đối tượng được hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất theo khoản 5 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP là Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất nông nghiệp khi thực hiện các nghị định gồm:

+ Nghị định 64/CP về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp;

+ Nghị định 85/1999/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Bản quy định về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp và bổ sung việc giao đất làm muối cho hộ gia đình và cá nhân sử dụng ổn định lâu dài;

+ Nghị định 02/CP ban hành Bản quy định về việc giao đất lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp;

+ Nghị định 163/1999/NĐ-CP về việc giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình và cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp;

+ Nghị định 181/2004/NĐ-CP về thi hành Luật đất đai 2003 và khoản 1 Điều 54 Luật Đất đai 2003;

+ Theo khoản 5 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP thì ngay cả các đối tượng nếu có đang làm việc hoặc nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp thì khi nhà nước thu hồi đất thì vẫn được hỗ trợ đời sống, các nhân khẩu này phải có hợp đồng giao khoán.

Từ căn cứ nêu trên thì rõ ràng trong bảng tính chi tiết bồi thường, hỗ trợ đã tính không đúng và áp sai các văn bản quy phạm pháp luật đối với hộ bà Nguyễn thị Đ1. Hộ gia đình bà Đ1 không phải là hộ gia đình theo khoản 5 Điều 17 Quyết định 14/2022/QĐ-UBND.

***2.4 Tính lại khoản bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại và khoản đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo diện tích thực tế là 4.999 m<sup>2</sup>:***

Căn cứ theo điều 12 Nghị định 47/2014/NĐ-CP có quy định như sau: *Nếu diện tích đo đạc thực tế nhỏ hơn diện tích ghi trên giấy tờ về quyền sử dụng đất thì bồi thường theo diện tích đo đạc thực tế. Nếu diện tích đo đạc thực tế nhiều hơn diện tích ghi trên giấy tờ về quyền sử dụng đất do việc đo đạc trước đây thiếu chính xác hoặc do khi kê khai đăng ký trước đây người sử dụng đất không kê khai hết diện tích nhưng toàn bộ ranh giới thửa đất đã được xác định là không thay đổi, không có tranh chấp với những người sử dụng đất liền kề, không do lấn, chiếm thì bồi thường theo diện tích đo đạc thực tế. Nếu diện tích đất đo đạc thực tế nhiều hơn diện tích ghi trên giấy tờ về quyền sử dụng đất, được Ủy*

*ban nhân dân cấp xã nơi có đất xác nhận diện tích nhiều hơn là do khai hoang hoặc nhận chuyển quyền của người sử dụng đất trước đó, đất đã sử dụng ổn định và không có tranh chấp thì được bồi thường theo diện tích đo đạc thực tế. Đối với phần diện tích đất nhiều hơn diện tích đất ghi trên giấy tờ về quyền sử dụng đất mà diện tích đất nhiều hơn là do hành vi lấn, chiếm mà có thì không được bồi thường về đất. Việc bồi thường về tài sản gắn liền với đất trong trường hợp đất thu hồi quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này thực hiện theo quy định của Luật Đất đai và Nghị định 47/2014/NĐ-CP.*

Căn cứ Công văn số 251/TTPTQĐĐ-KTGPMB ngày 11/8/2022 của Trung tâm phát triển quỹ đất có trả lời cho H1 gia đình bà Nguyễn Thị Đ là không tính phần diện tích bờ lô vì diện tích bờ lô không nằm trong hợp đồng là không thỏa đáng bởi lẽ: Gia đình bà Đ đã sử dụng phần diện tích bờ lô này ổn định từ trước năm 2000 đến nay, thửa đất đã được xác định, không có tranh chấp với các thửa đất liền kề, diện tích thực tế có khác so với diện tích trong hợp đồng bởi do sai số từ đo đạc và tại thời điểm ký lại hợp đồng gia đình bà Đ chưa kê khai phần diện tích bờ lô của thửa đất đã được hộ gia đình sử dụng ổn định để trồng cây từ trước thời điểm năm 2000. Sau khi Công ty nhổ cây cả phê từ thời kỳ trước, tiếp đó hộ bà Đ đã ký hợp đồng trồng dưa với công ty và sau này là hợp đồng liên kết sản xuất cả phê năm 2012.

***2.5 Bổ sung hỗ trợ khác theo khoản 3 Điều 20 Quyết định 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/03/2022 của UBND tỉnh Đ:***

Căn cứ theo Điều 25 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 quy định về bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất và khoản 3 Điều 20 quyết định 14/2022/QĐ-UBND tỉnh Đ, thì Hộ gia đình bà Đ thuộc đối tượng được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo khoản 5, 6 Điều 4 Nghị định số 01/2017/ND-CP.

Sau quyết định 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017 của UBND tỉnh Đ do nhà nước chưa chấm dứt việc sử dụng đất nên hộ bà Nguyễn Thị Đ tiếp tục sử dụng đất nên Hộ bà Đ thuộc đối tượng được hỗ trợ khác theo khoản 3 Điều 20 Quyết định 14/2022/QĐ-UBND.

***2.6 Bổ sung khoản chậm chi trả đối với khoản tiền hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm tính từ ngày 04/02/2017 đến ngày áp lại phương án hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo đúng quy định.***

Ngày 04/01/2017, UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định 07/QĐ-UBND về việc thu hồi toàn bộ diện tích của công ty TNHH MTV C trong tổng diện tích thu hồi có diện tích đất công ty đã ký hợp đồng liên kết sản xuất cả phê với Hộ bà Nguyễn Thị Đ.

Căn cứ theo khoản 3 Điều 69 Luật đất đai 2013 quy định thì: Việc phê duyệt quyết định thu hồi đất, phê duyệt và tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phải trong cùng một ngày.

Căn cứ theo Điều 93 Luật Đất đai 2013: Chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền có hiệu lực thi hành, cơ quan, tổ chức có trách nhiệm bồi thường phải chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho người có đất thu hồi. Trường hợp cơ quan, tổ chức có trách nhiệm bồi thường chậm chi trả thì khi thanh toán tiền bồi thường, hỗ trợ cho người có đất thu hồi, ngoài tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì người có đất thu hồi còn được thanh toán thêm một khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế tính trên số tiền chậm trả và thời gian chậm trả.

Đối chiếu tại Điều 15 Nghị định số 118/2014/NĐ-CP, khoản 3 điều 69, khoản 1, 2 Điều 93 Luật Đất đai 2013 thì việc ban hành quyết định thu hồi đất năm 2017 nhưng mãi đến năm 2022 mới phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ là không phù hợp với quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục thu hồi đất, Mặt khác tại thời điểm thu hồi đất bà Nguyễn Thị Đ không nhận được một thông báo nào. Số cây trồng dặm lại cây trồng đã chết và các cây trồng sau thời điểm thu hồi 2017 hộ bà Đ cũng không được bồi thường, mặc dù tại thời điểm tạo lập không bị các cơ quản lý ngăn chặn.

Từ những căn cứ pháp lý nêu trên cho thấy, quá trình thu hồi đất, thông báo, kiểm đếm bồi thường, hỗ trợ để thực hiện dự án: xây dựng công trình hạ tầng giao thông khu dân cư phía bắc, phường T, thành phố B có nhiều sai sót, gây thiệt hại và ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của hộ gia đình bà Đ. Do đó, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk:

- Hủy bỏ một phần Quyết định phê duyệt phương án bồi thường khi nhà nước thu hồi đất số 10635/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của Ủy ban thành phố B để thực hiện dự án: Xây dựng công trình hạ tầng giao thông khu dân cư P phường T, thành phố B;

- Buộc UBND thành phố B ban hành lại Quyết định phê duyệt phương án bổ sung, áp và tính lại các nội dung cụ thể như sau:

- + Hỗ trợ cây trồng sau quyết định thu hồi theo khoản 5 Điều 20 Quyết định 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/03/2022 của UBND tỉnh Đ;

- + Áp lại khoản hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 và Điều 18 khoản 1 Quyết Định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/03/2022 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đ;

+ Tính lại khoản bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại và lại khoản đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo diện tích thực tế là 4.999 m<sup>2</sup>;

+ Tính lại số nhân khẩu được hỗ trợ đời sống cụ thể là 3 nhân khẩu; Bổ sung hỗ trợ khác theo khoản 3 Điều 20 Quyết định 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/03/2022 của UBND tỉnh Đ;

+ Bổ sung khoản chậm chi trả đối với khoản tiền hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm tính từ ngày 04/02/2017 đến ngày áp dụng lại phương án hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo đúng quy định.

**\* Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là ông Lê Đại T1 trình bày:**

Bà Nguyễn Thị Đ sử dụng thửa đất số 25, tờ bản đồ số 7, diện tích 5.928,8m<sup>2</sup> có nguồn gốc liên kết sản xuất đất trồng cà phê với Công ty C. Năm 2017, UBND tỉnh Đ thu hồi đất của Công ty TNHH MTV C (do Công ty giải thể) giao Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk quản lý trong đó có thửa đất bà Nguyễn Thị Đ đang sử dụng.

### **I. Đối với yêu cầu khởi kiện thứ nhất:**

Năm 2019, UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi thực hiện Dự án Hạ tầng giao thông Khu dân cư P tại phường T tại Quyết định số 3125/QĐ-UBND ngày 28/10/2019, trên cơ sở đó Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk triển khai công tác kiểm đếm, lập Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án nêu trên, được UBND thành phố B phê duyệt tại Quyết định số 8601/QĐ-UBND ngày 01/12/2021, kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà Nguyễn Thị Đ là **52.332.628** đồng với diện tích lập phương án bồi thường đợt 1 là 929,8m<sup>2</sup>, bà Nguyễn Thị Đ đã đồng ý nhận tiền và bàn giao mặt bằng vào ngày 31/12/2021.

Đối với nội dung bà Nguyễn Thị Đ khởi kiện liên quan đến việc bồi thường tài sản gắn liền với đất tạo lập sau khi có Quyết định thu hồi đất: Căn cứ Công văn số 11855/UBND-NNMT ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh Đ thì tài sản phát sinh sau ngày 04/01/2017 (ngày UBND tỉnh ban hành Quyết định thu hồi đất) thì không được bồi thường, hỗ trợ.

Đối với nội dung bà Nguyễn Thị Đ khởi kiện liên quan đến hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: tại Công văn 13/CV-HĐGT ngày 22/7/2021 của Hội đồng giải thể Công ty TNHH MTV C xác định “*Bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Đình L (chồng bà Nguyễn Thị Đ, đã chết) là công nhân của Công ty TNHH MTV C, nghỉ việc năm 2010 và đã được hưởng chính sách đối với lao động dôi dư theo Nghị định 110/2007/NĐ-CP*”, căn cứ khoản 6 Điều 4 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ thì gia đình bà Đ thuộc trường hợp hộ gia đình, cá nhân là cán bộ, công nhân viên của nông lâm trường

quốc doanh đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp, nên hộ gia đình bà Đ không được hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là đúng với quy định của pháp luật.

Đối với nội dung bà Nguyễn Thị Đ khởi kiện liên quan đến khoản chậm chi trả đối với tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: bà Nguyễn Thị Đ không được hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm như trình bày nêu trên nên việc bà yêu cầu bổ sung khoản tiền chậm chi trả là không có cơ sở để thực hiện.

Phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà Nguyễn Thị Đ do Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk lập, được UBND thành phố B phê duyệt tại Quyết định số 8601/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 đã đảm bảo quy định của Pháp luật. Do đó các nội dung khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ là không có cơ sở xem xét, giải quyết. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bác đơn của bà Nguyễn Thị Đ.

## **II. Đối với yêu cầu khởi kiện thứ hai:**

Đối với nội dung bà Nguyễn Thị Đ khởi kiện liên quan đến hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: theo kết quả xác nhận thông tin cư trú của Công an phường T, hộ bà Nguyễn Thị Đ có 02 nhân khẩu. Trong đó 01 nhân khẩu là công nhân của công ty TNHH MTV C1 đã nghỉ thôi việc, 01 nhân khẩu không hưởng lương thường xuyên. UBND thành phố B đã áp dụng hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho gia đình bà với số tiền **444.140.000 đồng** theo khoản 2, Điều 18, Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đ, việc bà đề nghị áp lại Khoản 1, Điều 18 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND để hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là không có cơ sở để giải quyết.

Đối với nội dung bà Nguyễn Thị Đ khởi kiện đề nghị tính chi phí đầu tư còn lại vào đất và hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề theo diện tích thực tế là 4.999m<sup>2</sup>: Theo kết quả xác minh tại Hội đồng giải thể Công ty C và UBND phường T thì diện tích đo đạc theo dự án tăng 928,8m<sup>2</sup> so với diện tích trong hợp đồng, trong đó 371,2m<sup>2</sup> là do sai số đo đạc, 557,6 m<sup>2</sup> là do sử dụng diện tích đất bờ lô trước đây, diện tích đất này không nằm trong hợp đồng liên kết do đó không áp dụng để tính chi phí đầu tư còn lại vào đất và hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

Đối với nội dung bà Nguyễn Thị Đ khởi kiện đề nghị tính số nhân khẩu hỗ trợ đời sống cụ thể là 03 nhân khẩu: theo kết quả xác nhận thông tin cư trú của Công an phường T, hộ bà Nguyễn Thị Đ2 có 02 nhân khẩu. Trong đó 01 nhân khẩu là công nhân của công ty TNHH MTV C đã nghỉ thôi việc, 01 nhân khẩu không hưởng lương thường xuyên. UBND thành phố B đã hỗ trợ ổn định đời sống cho 01 nhân khẩu không hưởng lương thường xuyên với số tiền

4.500.000 đồng. Căn cứ khoản 1 và khoản 5, Điều 17, Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đ. Việc bà Đ đề nghị tính số nhân khẩu hỗ trợ đời sống cụ thể là 03 nhân khẩu là không có cơ sở để giải quyết.

Đối với nội dung bà Nguyễn Thị Đ khởi kiện đề nghị hỗ trợ khác theo khoản 3 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đ: Điều 18 và khoản 3 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đ đều quy định về hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm. Tuy nhiên, trong hộ gia đình bà vừa có nhân khẩu là công nhân của công ty TNHH MTV C1 đã nghỉ thôi việc vừa có nhân khẩu không hưởng lương thường xuyên, do đó UBND thành phố B đã áp dụng hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho gia đình bà Đ với số tiền **444.140.000 đồng** theo khoản 2 Điều 18, Quyết định số 14/2022 /QĐ-UBND của UBND tỉnh Đ. Việc bà Đ đề nghị hỗ trợ khác theo khoản 3 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đ là không có cơ sở để thực hiện.

Đối với nội dung bà Nguyễn Thị Đ khởi kiện liên quan đến khoản chậm chi trả đối với hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm tính từ ngày 04/02/2017 đến ngày có quyết định phê duyệt phương án bổ sung: ngày 29/12/2022, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 10635/QĐ-UBND về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ; chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất, giải phóng mặt bằng Công trình Hạ tầng giao thông khu dân cư Phía B, phường T, thành phố B (Đợt 2 và đợt 3); Đến ngày 18/01/2023 Trung tâm phát triển quỹ đất Đắc Lắc đã phối hợp với UBND phường T tiến hành chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ đối với gia đình bà Nguyễn Thị Đ, bà Đ đã nhận tiền và bàn giao mặt bằng thửa đất thu hồi. Như vậy, thời gian chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho gia đình bà Nguyễn Thị Đ đã đảm bảo đúng quy định. Do đó nội dung khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ là không có cơ sở xem xét, giải quyết.

Phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà Nguyễn Thị Đ do Trung tâm phát triển quỹ đất Đắc Lắc lập, được UBND thành phố B phê duyệt tại Quyết định số 10635/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 đã đảm bảo quy định của Pháp luật. Do đó, các nội dung khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ là không có cơ sở xem xét, giải quyết. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắc Lắc bác đơn của bà Nguyễn Thị Đ.

**\* Ông Phạm Văn N – Là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, đồng thời là người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người bị kiện, trình bày:**

Bà Nguyễn Thị Đ sử dụng thửa đất số 25, tờ bản đồ số 7, diện tích 5928,8m<sup>2</sup> có nguồn gốc liên kết sản xuất đất trồng cà phê với Công ty TNHH MTV C (Hợp đồng số 28Đ1/2012 HĐ. Năm 2017, UBND tỉnh Đ thu hồi đất của

Công ty TNHH MTV C (do Công ty giải thể) giao Trung tâm phát triển quỹ đất Đắc Lắc quản lý tại Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017 trong đó có thửa đất do bà Nguyễn Thị Đ đang sử dụng.

### **I. Đối với yêu cầu khởi kiện thứ nhất:**

Năm 2019, UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi thực hiện Dự án Hạ tầng giao thông Khu dân cư P tại phường T tại Quyết định số 3125/QĐ-UBND ngày 28/10/2019, Trên cơ sở đó, Trung tâm phát triển quỹ đất Đắc Lắc lập Phương án Bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Hạ tầng giao thông khu dân cư Phía Bắc tại tổ dân phố D, phường T, thành phố B và được UBND thành phố B phê duyệt tại Quyết định số 8601/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng Công trình: Hạ tầng giao thông Khu dân cư P tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắc Lắc, kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với với hộ bà Nguyễn Thị Đ là **52.332.628 đồng** với diện tích lập phương án bồi thường đợt 1 là 929,8m<sup>2</sup>, bà Nguyễn Thị Đ đã đồng ý nhận tiền và bàn giao mặt bằng vào ngày 31/12/2021.

Đối với nội dung bà Nguyễn Thị Đ khởi kiện liên quan đến việc bồi thường tài sản gắn liền với đất tạo lập sau khi có Quyết định thu hồi đất; căn cứ Công văn số 11855/UBND-NNMT ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh Đ thì tài sản phát sinh sau ngày 04/01/2017 (ngày UBND tỉnh ban hành Quyết định thu hồi đất) thì không được bồi thường, hỗ trợ.

Đối với nội dung bà Nguyễn Thị Đ khởi kiện liên quan đến hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: tại Công văn 13/CV-HĐGT ngày 22/7/2021 của Hội đồng giải thể Công ty TNHH MTV C xác định “Bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Đình L (chồng bà Nguyễn Thị Đ, đã chết) là công nhân của Công ty TNHH MTV C, nghỉ việc năm 2010 và đã được hưởng chính sách đối với lao động dôi dư theo Nghị định 110/2007/NĐ-CP”. Căn cứ khoản 6 Điều 4 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ thì gia đình bà Đ thuộc trường hợp hộ gia đình, cá nhân là cán bộ, công nhân viên của nông lâm trường quốc doanh đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp, nên hộ gia đình bà không được hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là đúng với quy định của pháp luật.

Đối với nội dung bà Nguyễn Thị Đ khởi kiện liên quan đến khoản chậm chi trả đối với tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: bà Nguyễn Thị Đ không được hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm như trình bày nêu trên nên việc bà yêu cầu bổ sung khoản tiền chậm chi trả là không có cơ sở để thực hiện.

Phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà Nguyễn Thị Đ do Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk lập, được UBND thành phố B phê duyệt tại Quyết định số 8601/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 đã đảm bảo quy định của pháp luật. Do đó đề nghị Toà án bác đơn của bà Nguyễn Thị Đ.

## **II. Đối với yêu cầu khởi kiện thứ hai:**

Năm 2019, UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi thực hiện Dự án Hạ tầng giao thông Khu dân cư P tại phường T tại Quyết định số 3125/QĐ-UBND ngày 28/10/2019; Trên cơ sở đó, Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk lập Phương án Bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Hạ tầng giao thông khu dân cư Phía Bắc tại tổ dân phố D, phường T, thành phố B và được UBND thành phố B phê duyệt tại Quyết định số 10635/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng Công trình: Hạ tầng giao thông Khu dân cư P tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà Nguyễn Thị Đ là 753.738.876 đồng với diện tích lập phương án bồi thường đợt 2 và đợt 3 là 4.999 m<sup>2</sup> bà Nguyễn Thị Đ đã đồng ý nhận tiền và bàn giao mặt bằng vào ngày 18/01/2023.

Đối với nội dung bà Nguyễn Thị Đ khởi kiện liên quan đến việc bồi thường tài sản gắn liền với đất tạo lập sau khi có Quyết định thu hồi đất: Căn cứ Công văn số 11855/UBND-NNMT ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh Đ thì tài sản phát sinh sau ngày 04/01/2017 (*ngày UBND tỉnh ban hành Quyết định thu hồi đất*) thì không được bồi thường, hỗ trợ.

Đối với nội dung bà Nguyễn Thị Đ khởi kiện liên quan đến hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: theo kết quả xác nhận thông tin cư trú của Công an phường T, hộ bà Nguyễn Thị Đ2 có 02 nhân khẩu. Trong đó 01 nhân khẩu là công nhân của công ty TNHH MTV C1 đã nghỉ thôi việc, 01 nhân khẩu không hưởng lương thường xuyên. UBND thành phố B đã áp dụng hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho gia đình bà với số tiền 444.140.000 đồng theo khoản 2, Điều 18, Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đ, việc bà đề nghị áp dụng khoản 1, Điều 18, Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là không có cơ sở để giải quyết.

Đối với nội dung bà Nguyễn Thị Đ khởi kiện đề nghị tính chi phí đầu tư còn lại vào đất và hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề theo diện tích thực tế là 4.999m<sup>2</sup>: Theo kết quả xác minh tại Hội đồng giải thể Công ty C và UBND phường T thì diện tích đo đạc theo dự án tăng 928,8m<sup>2</sup> so với diện tích trong hợp đồng, trong đó 371,2m<sup>2</sup> là do sai số đo đạc, 557,6 m<sup>2</sup> là do bà Đỗ sử dụng diện tích đất bờ lô trước đây, diện tích đất này không nằm trong Hợp đồng liên kết do đó không áp dụng để tính chi phí đầu tư còn lại vào đất và hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

Đối với nội dung bà Nguyễn Thị Đ khởi kiện đề nghị tính số nhân khẩu hỗ trợ đời sống cụ thể là 03 nhân khẩu: Theo kết quả xác nhận thông tin cư trú của Công an phường T, hộ bà Nguyễn Thị Đ có 02 nhân khẩu. Trong đó 01 nhân khẩu là công nhân của công ty TNHH MTV C1 đã nghỉ thôi việc, 01 nhân khẩu không hưởng lương thường xuyên. UBND thành phố B đã hỗ trợ ổn định đời sống cho 01 nhân khẩu không hưởng lương thường xuyên với số tiền 4.500.000 đồng theo Khoản 1 và Khoản 5, Điều 17, Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đ, việc bà đề nghị tính số nhân khẩu hỗ trợ đời sống cụ thể là 03 nhân khẩu là không có cơ sở để giải quyết.

Đối với nội dung bà Nguyễn Thị Đ khởi kiện đề nghị hỗ trợ khác theo Khoản 3 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đ: Điều 18 và Khoản 3 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đ đều quy định về hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm. Tuy nhiên, trong hộ gia đình bà vừa có nhân khẩu là công nhân của công ty TNHH MTV C1 đã nghỉ thôi việc vừa có nhân khẩu không hưởng lương thường xuyên, do đó UBND thành phố B đã áp dụng hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho gia đình bà với số tiền 444.140.000 đồng theo Khoản 2, Điều 18, Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đ. Việc bà đề nghị hỗ trợ khác theo Khoản 3 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đ là không có cơ sở để thực hiện.

Đối với nội dung bà Nguyễn Thị Đ khởi kiện liên quan đến khoản chậm chi trả đối với tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm tính từ ngày 04/02/2017 đến ngày có quyết định phê duyệt phương án bồi sung: Ngày 29/12/2022 UBND thành phố B ban hành Quyết định số 10635/QĐ-UBND về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ; chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất, giải phóng mặt bằng Công trình Hạ tầng giao thông khu dân cư Phía B, phường T, thành phố B (Đợt 2 và đợt 3); Đến ngày 18/01/2023 Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk đã phối hợp với UBND phường T tiến hành chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ đối với gia đình bà Nguyễn Thị Đ, bà Đ đã nhận tiền và bàn giao mặt bằng thửa đất thu hồi; như vậy, thời gian chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho gia đình bà Nguyễn Thị Đ đã đảm bảo đúng quy định, do đó nội dung khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ là không có cơ sở xem xét, giải quyết.

Phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà Nguyễn Thị Đ do Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk lập, được UBND thành phố B phê duyệt tại Quyết định số 10635/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 đã đảm bảo quy định của Pháp luật. Do đó các nội dung khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ là không có cơ sở xem xét, giải quyết. Đề nghị Toà án bác đơn của bà Nguyễn Thị Đ.

**Với nội dung nêu trên tại Bản án hành chính sơ thẩm số 103/2023/HC-ST ngày 17/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:**

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32; Điều 116, Điều 118 khoản 1 Điều 158 điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; áp dụng các Điều 65, 66, 69, 76, 82, 84, 92 và Điều 93 Luật Đất đai năm 2013; Điều 12, Điều 19, Điều 20, Điều 25 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ “*Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất*”; Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2022 của UBND tỉnh Đ “*về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk*”.

**Tuyên xử:**

- Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ về việc:

Hủy bỏ một phần Quyết định số 8601/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 của Ủy ban thành phố B “*Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để Xây dựng công trình hạ tầng giao thông khu dân cư phía Bắc, phường T, thành phố B đợt 1*”.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ về việc:

Hủy một phần Quyết định số 10635/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của UBND thành phố B “*Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để Xây dựng công trình hạ tầng giao thông khu dân cư phía Bắc, phường T, thành phố B đợt 2 và đợt 3*” đối với phần bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Nguyễn Thị Đ.

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B phải ban hành lại Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất theo các nội dung cụ thể như sau: Tính lại khoản bồi thường chi phí đầu tư còn lại vào đất, khoản đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm và khoản tiền hỗ trợ khác theo diện tích thực tế bà Nguyễn Thị Đ đang sử dụng là 4.999 m<sup>2</sup> và theo quy định của pháp luật.

- Bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ về việc:

Hủy một phần Quyết định số 10635/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của Ủy ban thành phố B “*về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để Xây dựng công trình hạ tầng giao thông khu dân cư phía Bắc, phường T, thành phố B đợt 2 và đợt 3*” về các yêu cầu: hỗ trợ cây trồng sau khi quyết định thu hồi; hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo khoản 1 Điều 18 Quyết Định số 14/2022/QĐ-UBND ngày

15/03/2022 của UBND tỉnh Đ; hỗ trợ đời sống cho 3 nhân khẩu và khoản chậm chi trả đối với tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm tính từ ngày 04/02/2017 đến ngày có quyết định phê duyệt phương án.

Bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và thông báo quyền kháng cáo theo luật định.

- Ngày 27/7/2023:

+ Người khởi kiện bà Nguyễn Thị Đ kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện: Bổ sung khoản chậm chi trả đối với khoản tiền hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; Áp lại khoản hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 và Điều 18 khoản 1 Quyết Định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/03/2022 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đ; tính lại số nhân khẩu được hỗ trợ đời sống cụ thể là 03 nhân khẩu.

+ Người bị kiện UBND thành phố B kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm bác yêu cầu của người khởi kiện: Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Đ về việc bồi thường chi phí đầu tư còn lại vào đất, khoản đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm và hỗ trợ khác theo diện tích thực tế bà Nguyễn Thị Đ đang sử dụng thực tế 4.999m<sup>2</sup>.

- Ngày 01/8/2023, Viện trưởng VKSND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 524/QĐ-VKS-HC đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng buộc UBND thành phố B phải ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ để bổ sung hỗ trợ ổn định đời sống và hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm theo đúng quy định pháp luật; bác đối với yêu cầu hỗ trợ khác.

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa:*

#### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: ngày 27/7/2023, người khởi kiện bà Nguyễn Thị Đ, Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố B kháng cáo bản án sơ thẩm, Đơn kháng cáo của các đương sự là trong thời hạn quy định tại Điều 206 Luật Tố tụng hành chính; kháng nghị của Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 213 của Luật Tố tụng hành chính, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

Tại phiên tòa:

- Bà Nguyễn Thị Đ, Ủy ban nhân dân thành phố B giữ nguyên nội dung kháng cáo;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng rút một phần kháng nghị đối với yêu cầu hỗ trợ khác; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 229 Luật Tổ tụng hành chính đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần rút kháng nghị; căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần rút kháng nghị; chấp nhận kháng nghị, chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị Đ, chấp nhận một phần kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố B và sửa một phần bản án sơ thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của các đương sự, kháng nghị của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét các vấn đề sau:

[2.1]. Xét tính có căn cứ của Quyết định phê duyệt phương án bồi thường khi nhà nước thu hồi đất số 8601/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 và Quyết định số 10635/QĐ-UBND ngày 29/12/2022:

[2.1.1]. Về nguồn gốc thửa đất số thửa đất số 25, tờ bản đồ số 7, diện tích 5.928,8m<sup>2</sup> tại khối D, phường T, thành phố B:

Theo Hợp đồng giao khoán số: 28Đ1/2012/HĐ thì hộ bà Nguyễn Thị Đ sử dụng thửa đất số 25, tờ bản đồ số 7, diện tích 5.928,8m<sup>2</sup> có nguồn gốc liên kết sản xuất đất trồng cà phê với Công ty TNHH MTV C; thời hạn hợp đồng kể từ ngày 18/5/2012 đến ngày 31/12/2035. Tại thời điểm ký hợp đồng liên kết hộ gia đình sử dụng đất gồm có 04 thành viên gồm: **(1)** ông Nguyễn Đình L (hiện đã chết) **(2)** bà Nguyễn Thị Đ **(3)** ông Nguyễn Đình T và **(4)** ông Nguyễn Đình T2. Trong quá trình nhận khoán, gia đình bà Nguyễn Thị Đ đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính đối với Công ty cũng như tuân thủ pháp luật về Luật Đất đai.

Ngày 04/01/2017, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 07/QĐ-UBND (sau đây gọi tắt là Quyết định 07) về việc thu hồi đất của Công ty TNHH MTV C (lý do: Công ty giải thể) giao Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk quản lý tại Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017. Trong đó có thửa đất do hộ bà Nguyễn Thị Đ đang sử dụng.

[2.1.2]. *Xét yêu cầu tính lại khoản bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại:*

Theo khoản 2, khoản 3 Điều 12 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 Nghị định quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất có nội dung:

*“2. Nếu diện tích đo đạc thực tế nhiều hơn diện tích ghi trên giấy tờ về quyền sử dụng đất do việc đo đạc trước đây thiếu chính xác hoặc do khi kê khai đăng ký trước đây người sử dụng đất không kê khai hết diện tích nhưng toàn bộ ranh giới thửa đất đã được xác định là không thay đổi, không có tranh chấp với những người sử dụng đất liền kề, **không do lấn, chiếm thì bồi thường theo diện tích đo đạc thực tế.***

3. Nếu diện tích đất đo đạc thực tế nhiều hơn diện tích ghi trên giấy tờ về quyền sử dụng đất, được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất xác nhận diện tích nhiều hơn là do khai hoang hoặc nhận chuyển quyền của người sử dụng đất trước đó, đất đã sử dụng ổn định và không có tranh chấp thì được bồi thường theo diện tích đo đạc thực tế.”

Theo kết quả xác minh tại Hội đồng giải thể Công ty C và UBND phường T thì diện tích đo đạc thực tế theo dự án 5.928,8m<sup>2</sup> tăng **928,8m<sup>2</sup>** so với diện tích trong hợp đồng, trong đó **371,2m<sup>2</sup>** là do sai số đo đạc, **557,6m<sup>2</sup>** là do lấn chiếm để sử dụng diện tích đất bờ lô trước đây. UBND thành phố B cho rằng theo Hợp đồng nhận khoán thì bà Đ nhận khoán 5.000m<sup>2</sup> đất và chấp nhận tăng do sai số đo đạc là 371,2m<sup>2</sup> là **5.371,2 m<sup>2</sup>**. Đã trừ phần bồi thường tại Quyết định 8601 là 929,8m<sup>2</sup> (là 5.371,2 m<sup>2</sup> - 929,8m<sup>2</sup>) = 4.441,4m<sup>2</sup> nên hộ bà Đ chỉ được bồi thường chi phí đầu tư vào đất theo diện tích còn lại là **4.441,4 m<sup>2</sup>** là đúng.

Người bị kiện cho rằng diện tích tăng thêm của bà Đ đang sử dụng không phải diện tích khai hoang hoặc chuyển nhượng mà do lấn chiếm, do đó hộ bà Đ chỉ được bồi thường chi phí đầu tư vào đất theo diện tích 4.441,4m<sup>2</sup> là phù hợp; tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định việc bà Đ yêu cầu tính lại khoản bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại theo diện tích thực tế 4.999 m<sup>2</sup> là phù hợp, từ đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ yêu cầu tính lại khoản bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại theo diện tích thực tế 4.999 m<sup>2</sup> là không có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của UBND thành phố B, sửa bản án sơ thẩm về nội dung này.

[2.1.3]. Đối với yêu cầu hỗ trợ ổn định đời sống:

Căn cứ tài liệu có tại hồ sơ vụ án, tại Đơn xin xác nhận thành viên trong hộ gia đình được Công an thành phố B xác nhận ngày 09/10/2020 (bút lục 25) có nội dung: thời điểm năm 2000, hộ bà Nguyễn Thị Đ gồm có: ông Nguyễn Đình L (chủ hộ), bà Nguyễn Thị Đ (vợ), Nguyễn Đình T (con), Nguyễn Đình T2 (con). Cũng tại Biên bản xác minh hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp do UBND phường T lập thể hiện thực trạng lao động nghề nghiệp của các thành viên trong hộ gia đình bà Nguyễn Thị Đ như sau: bà Nguyễn Thị Đ (Chủ hộ) - nghề nghiệp: Làm nông; Nguyễn Đình T (Con) - nghề nghiệp: Làm nông; Nguyễn Đình T2 (Con) - nghề nghiệp: Làm nông. Như vậy, có căn cứ xác định hộ bà Nguyễn Thị Đ có **03 nhân khẩu**, ngoài bà Đ là công nhân của Công ty TNHH MTV C đã nghỉ thôi việc theo chế độ, trong hộ còn có **02 nhân khẩu là anh T và anh T2 không hưởng lương thường xuyên**.

Tại điểm c khoản 1 Điều 17 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ quy định về hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất như sau:

*“1. Hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng và điều kiện để được hỗ trợ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 4 Nghị định 01/2017/NĐ-CP: khoản 1 Điều 2 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP khi nhà nước thu hồi đất thì được hỗ trợ ổn định đời sống theo quy định sau đây:*

*c) Mức hỗ trợ cho một nhân khẩu quy định tại các điểm a, b khoản 1 Điều này được tính bằng tiền tương đương 30 kg gạo tẻ thường cho một nhân khẩu tháng nhân (x) với giá gạo được tính theo thông báo giá thị trường của Sở T4 tại thời điểm thực hiện hỗ trợ”.*

Tại Bản kê chi tiết phương án bồi thường, hỗ trợ ban hành kèm Quyết định số 10635/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của UBND thành phố B, chỉ xem xét hỗ trợ ổn định đời sống đối với 01 nhân khẩu là anh Nguyễn Đình T2 là không đúng quy định viện dẫn ở trên. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung kháng cáo của bà Đ về yêu cầu hỗ trợ ổn định đời sống đối với 02 nhân khẩu.

[2.1.4]. *Đối với yêu cầu hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:*

Như đã nhận định ở trên, hộ bà Nguyễn Thị Đ có 03 nhân khẩu, ngoài bà Đ là công nhân của Công ty TNHH MTV C1 đã thôi việc, hộ bà Đ còn có 02 nhân khẩu (anh T và anh T2) không hưởng lương thường xuyên. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 18 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ thì hộ bà Đ được hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với 02 nhân khẩu không hưởng lương thường xuyên. Tuy nhiên, UBND thành phố B chỉ xem xét hỗ trợ đối với 01 nhân khẩu là không đúng. Bản án sơ thẩm cũng tuyên bác yêu cầu khởi kiện này của bà Nguyễn Thị Đ là không phù hợp.

Do đó nội dung kháng cáo của bà Đ và Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 524/QĐ-VKS-HC ngày 01/8/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk về 02 nội dung tại mục [2.1.3] và [2.1.4] là có căn cứ chấp nhận.

[2.1.5]. *Đối với yêu cầu hỗ trợ khác:*

Hộ gia đình bà Nguyễn Thị Đ bị thu hồi toàn bộ diện tích đất và thuộc đối tượng được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định Điều 19, Điều 20 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất thì người sử dụng đất còn được hỗ trợ khác theo Điều 25 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Điều 25 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về hỗ trợ khác đối với người sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất như sau: *“Ngoài việc hỗ trợ quy định tại các Điều 19, 20, 21, 22, 23 và 24 của Nghị định*

*này, căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định biện pháp hỗ trợ khác để bảo đảm có chỗ ở, ổn định đời sống, sản xuất và công bằng đối với người có đất thu hồi; trường hợp hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà không đủ điều kiện được bồi thường theo quy định tại Điều 75 của Luật Đất đai thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét hỗ trợ cho phù hợp với thực tế của địa phương; trường hợp đặc biệt trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.”*

Tại khoản 3 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đ quy định: “Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất do nhận giao khoán theo các quy định của pháp luật về giao khoán nông nghiệp, lâm nghiệp... thuộc đối tượng được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo khoản 5, 6 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP đất mà hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đã được Ủy ban nhân dân tỉnh T5 của các nông, lâm trường quốc doanh hoặc công ty nông, lâm nghiệp... nhưng tại thời điểm lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư hộ gia đình, cá nhân nhận giao khoán tiếp tục sử dụng đất do Nhà nước chưa chấm dứt việc sử dụng... **thì được hỗ trợ bằng 02 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh B đối với diện tích thu hồi; diện tích hỗ trợ không quá hạn mức giao đất theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất theo khoản 1, 3, 5 Điều 17 Quy định này”**..

Bản án sơ thẩm tuyên chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Đ về hỗ trợ khác theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của UBND thành phố B, không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng VKSND tỉnh Đắk Lắk về nội dung này.

[2.1.6]. Đối với yêu cầu bổ sung khoản chậm chi trả đối với tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm tính từ ngày 04/02/2017 đến ngày có quyết định phê duyệt phương án bổ sung, thấy rằng: ngày 29/12/2022, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 10635/QĐ-UBND, ngày 18/01/2023, Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk đã phối hợp với UBND phường T tiến hành bàn giao mặt bằng thửa đất thu hồi và chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ đối với gia đình bà Nguyễn Thị Đ, bà Đ đã nhận tiền. Như vậy, thời gian chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho gia đình bà Nguyễn Thị Đ đã đảm bảo đúng quy định. Do đó, nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị Đ là không có cơ sở để chấp nhận, Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà Đ về nội dung này là phù hợp.

[3]. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét.

[4]. Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên người khởi kiện bà Nguyễn Thị Đ, người bị kiện UBND thành phố B không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ khoản 3 Điều 229; khoản 2 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính.

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 524/QĐ-VKS-HC ngày 01/8/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk về phần yêu cầu bác đối với yêu cầu hỗ trợ khác.

- Chấp nhận một phần kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị Đ;

- Chấp nhận một phần kháng cáo của người bị kiện UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

- Chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 524/QĐ-VKS-HC ngày 01/8/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 103/2023/HC-ST ngày 17/7/2023 của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32; Điều 116, Điều 118 khoản 1 Điều 158 điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng Hành chính; Các Điều 65, 66, 69, 76, 82, 84, 92 và Điều 93 Luật Đất đai năm 2013;

Áp dụng: Điều 12, Điều 19, Điều 20, Điều 25 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ “*Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất*”; Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2022 của UBND tỉnh Đ “*về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk*”.

### **Tuyên xử:**

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ về việc:

- Hủy một phần Quyết định số 10635/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của UBND thành phố B “*Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để Xây dựng công trình hạ tầng giao thông khu dân cư phía Bắc, phường T, thành phố B đợt 2 và đợt 3*” đối với phần bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Nguyễn Thị Đ.

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B phải ban hành lại Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất theo các nội dung cụ thể như sau: Tính lại khoản bồi thường chi phí đầu tư còn lại vào đất, khoản

đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, hỗ trợ ổn định đời sống cho 02 nhân khẩu và khoản tiền hỗ trợ khác theo diện tích đất bà Nguyễn Thị Đ sử dụng là **4.441,4 m<sup>2</sup>** theo đúng quy định của pháp luật.

## **2.2. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ về việc:**

Hủy một phần Quyết định số 10635/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của Ủy ban thành phố B “*về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để Xây dựng công trình hạ tầng giao thông khu dân cư phía Bắc, phường T, thành phố B đợt 2 và đợt 3*” về yêu cầu tính khoản chậm chi trả đối với tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm tính từ ngày 04/02/2017 đến ngày có quyết định phê duyệt phương án.

**3. Các phần quyết định khác của Bản án hành chính sơ thẩm số 103/2023/HC-ST ngày 17/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.**

**4. Về án phí:** Căn cứ khoản 2 Điều 349 của Luật Tổ tụng hành chính; áp dụng khoản 1 Điều 32; khoản 2 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Người khởi kiện bà Nguyễn Thị Đ, Người bị kiện UBND thành phố B không phải chịu án phí phúc thẩm.

Hoàn trả lại cho UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu số 0003796 ngày 04/8/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

## **5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.**

### **Nơi nhận:**

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Phạm Tồn**